

Bản án số: 51/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 28/05/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tuấn

Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST - HNGĐ ngày 28/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị U - sinh năm: 1989

Nơi ĐKHTTT và nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038189xxxxxx

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Tiến T - sinh năm: 1989

Nơi ĐKHKT: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản

Số CCCD: 038089xxxxxx

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2025, bản tự khai cũng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị U trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị U anh Lê Tiến T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/5/2023. Hai bên không có tổ chức cưới hỏi, chị U cũng không về nhà anh T sinh sống. Sau kết hôn vợ chồng có qua lại chung sống hòa thuận được một thời gian, đến tháng 8/2023

anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Thời gian đầu anh T còn gọi điện về để vợ chồng tâm sự cùng nhau, thời gian sau thưa dần, anh T không còn quan tâm đến chị U nữa, ít khi gọi điện về cho chị U nhưng khi gọi điện về anh T có những lời lẽ xúc phạm gia đình chị U, xúc phạm nhân phẩm của chị U. Hiện nay, chị U và anh T không còn liên lạc gì với nhau. Nay chị U xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh T không còn thương yêu nhau nữa, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị U đề nghị Tòa án giải quyết cho chị U được ly hôn anh Lê Tiến T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Lê Phương T1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/9/2023. Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi con được sinh ra đến nay, chị U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh T có cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị U trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 10/2024 trung bình mỗi tháng 3.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị Lê Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo chị Lê Thị U trình bày: Chị chỉ biết hiện nay anh T đang đi làm ở Nhật Bản, chị không biết địa chỉ cụ thể của anh T nên đã có đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ trong việc giao (gửi) các tài liệu cho anh T và đề nghị Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ của anh T tại Nhật Bản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Phòng Q – Công an tỉnh T cung cấp về thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Lê Tiến T. Tại công văn số 136/XNC-Đ1, ngày 13/01/2026 của Phòng Q - Công an tỉnh T, kết quả như sau: Anh Lê Tiến T, sinh ngày 20/11/1989 đã sử dụng hộ chiếu xuất cảnh ngày 29/8/2023 qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế N bằng hộ chiếu số P01448132 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại biên bản xác minh 26/01/2026, chính quyền địa phương xã T, tỉnh Thanh Hóa nơi chị Lê Thị U và anh Lê Tiến T có đăng ký hộ khẩu thường trú, cho biết: Về hôn nhân, chị U và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/5/2023. Tuy nhiên, anh T và chị U không tổ chức đám cưới và cũng không về nhà nhau chung sống, đến tháng 8/2023 thì anh T sang Nhật Bản làm ăn, sinh sống. Do đó, chính quyền địa phương không xác định được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị U. Về con chung, vợ chồng anh T, chị U có 01 con chung tên là Lê Phương T1 – sinh ngày 01/9/2023. Từ khi sinh đến nay cháu T1 ở cùng với mẹ tại thôn M, xã T. Về điều kiện kinh tế, chị U làm nghề tự do, công việc và thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh T hiện nay đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, công việc và thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Quá trình sinh sống tại xã T, chị U và anh T có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Làm việc với gia đình anh T: Tại các biên bản làm việc ngày 26/01/2026 và ngày 13/4/2026, bà Nguyễn Thị T2 (mẹ đẻ anh T) cho biết. Hiện nay anh T đang làm việc tại Nhật Bản và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng bà cũng không biết cụ thể địa chỉ nơi ở và nơi làm việc của anh T ở đâu. Bà có thông báo qua điện thoại cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị U với anh T

nhưng anh T không về được nên có nhờ bà thay mặt anh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà T2 thay mặt anh T đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt và cam kết thông báo lại ngay cho anh T được biết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị U, xử cho chị Lê Thị U được ly hôn anh Lê Tiến T.

Giao con chung là cháu Lê Phương T1 - sinh ngày 01/9/2023 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị U vì chị U không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Lê Thị U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Lê Thị U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lê Tiến T, anh T hiện nay đang làm việc tại Nhật Bản nhưng có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Tiến T: Anh T hiện đang đi làm tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Qua làm việc với thân nhân của anh T thấy rằng, anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, mẹ đẻ anh T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo lại ngay cho anh T. Căn cứ Điều 10, nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐPT, ngày 16/5/2024 và hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xác định là đã tổng hợp lệ cho đương sự.

Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả phiên họp cho anh Tiếp theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Chị Lê Thị U có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, chị U vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị U và anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị U và anh Lê Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/5/2023. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng có qua lại chung sống hòa thuận được một thời gian, đến tháng 8/2023 anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Vì sống xa nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn tin tưởng, yêu thương nhau nữa. Chị U xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng như không gửi nguyên vọng, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn điều đó thể hiện anh T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lê Thị U và anh Lê Tiến T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị U được ly hôn anh Lê Tiến T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Lê Phương T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 01/9/2023. Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi cháu T1 được sinh ra đến nay, chị U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Khi ly hôn, chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Chị U có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi cháu T1 sinh ra đến nay, chị U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu T1 phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cuộc sống của cháu đang ổn định. Bên cạnh đó cháu T1 còn rất bé (chưa đủ 36 tháng tuổi). Nguyện vọng của chị U là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phương T1 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp. Anh Lê Tiến T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị U vì chị U không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Lê Tiến T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Lê Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Khoản 2 Điều 479 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị U:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị U được ly hôn anh Lê Tiến T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Phương T1 - sinh ngày 01/9/2023 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Lê Tiến T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị U.

Anh Lê Tiến T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Lê Thị U phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị U đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0000601 ngày 22/01/2026. Chị Lê Thị U đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Tiến T không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lê Thị U và anh Lê Tiến T. Chị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thạch Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang